

Bản án số: 08/2019/DS-ST

Ngày: 27 - 8 - 2019

V/v “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Sơn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Huy Thông và bà Vũ Thị Thịnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Lệ Giang - Thư ký Toà án nhân dân huyện QL, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QL tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 N 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện QL, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 6 N 2019, về việc “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2019/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 8 N 2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh N 1934 - Có mặt

Nơi cư trú: Xóm 9, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An

*2. Bị đơn:* Chị Lê Thị L, sinh N 1972 - Có mặt

Nơi cư trú: Xóm 9, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

*3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

*3.1. Chị Lê Thị T, sinh N 1962 - Có mặt*

Nơi cư trú: Xóm 8, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

*3.2. Chị Lê Thị L, sinh N 1969 - Có mặt*

Nơi cư trú: Xóm 10, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

*3.3. Chị Lê Thị S, sinh N 1974 - Có mặt*

Nơi cư trú: Xóm 11, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

*3.4. Chị Lê Thị N, sinh N 1976 - Có mặt*

Nơi cư trú: Xóm 9, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo khởi đơn kiện ngày 07/6/2019 của bà Trần Thị H, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà và ông Lê Đình Ng là vợ chồng. Quá trình chung sống ông bà có 6 con chung là Lê Thị T, sinh N 1962, Lê Đình C, sinh N 1966 (đã chết N 1999, chưa có vợ con); Lê Thị L, sinh N 1969; Lê Thị L, sinh N 1972; Lê Thị S, sinh N 1974; Lê Thị N, sinh

N 1976. Bà và ông Ng không ai có con nuôi, con riêng. Ngày 16/6/1993 vợ chồng bà được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSDĐ) đối với thửa đất số 192, tờ bản đồ số 4 (bản đồ 299), diện tích 200m<sup>2</sup> mang tên Lê Đình Ng. Vợ chồng bà chung sống trên thửa đất đó từ khi lấy nhau cho đến nay. N 2011 ông Ngại chết không để lại di chúc. Để lại di sản thừa kế là thửa đất nói trên, trên đất có ngôi nhà ngói ba gian, nhà bếp, công trình chăn nuôi nay đã cũ nát, bờ tường bao. Nay bà đề nghị phân chia di sản thừa kế của ông Ngại để lại đối với thửa đất trên. Bà xin được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật và kỷ phần của chị T, chị L, chị S, chị N giao lại cho bà. Bà Trần Thị H không yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất sản xuất.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/7/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Lê Thị L trình bày:

Chị là con gái của bà Trần Thị H và ông Lê Đình Ng. Quá trình chung sống bà H và ông Ngại sinh được 6 người con như trình bày của bà H, không ai có con riêng, con nuôi. Khi ông Ng chết không để lại di chúc. Nhưng trước khi ông Ng chết có hứa sau này sẽ để lại thửa đất ông bà đang sinh sống là thửa đất nói trên cho con trai đầu của chị. Nay bà H yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Ng để lại chị đồng ý, chị đề nghị được nhận kỷ phần thừa kế bằng đất và hiện vật tại thửa đất nói trên. Chị L không yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất sản xuất.

- Tại các bản tự khai ngày 24/7/2019, quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị Lê Thị T, chị Lê Thị L, chị Lê Thị S và chị Lê Thị N thống nhất trình bày: Các chị thống nhất với lời khai và yêu cầu của bà H. Các chị đề nghị được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật và giao lại cho bà H được quyền sở hữu và sử dụng, không yêu cầu bà H phải trả cho các chị kỷ phần thừa kế giá trị bằng tiền. Các chị không yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất sản xuất. Chị T không yêu cầu giải quyết ngôi nhà cấp 4 hai gian và các công trình chị xây cho bà H N 2014.

- Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 13/8/2019 xác định: Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 4 (bản đồ 299), diện tích 200m<sup>2</sup> nay là thửa đất số 287, tờ bản đồ số 17 bản đồ địa chính, diện tích 223,7m<sup>2</sup> (200m<sup>2</sup> đất ở và 23,7m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng N) có giá trị 1.700.000đồng/m<sup>2</sup>; diện tích tăng thêm do sai số trong đo đạc. Nhà ngói ba gian diện tích 42m<sup>2</sup>, nhà bếp, công trình chăn nuôi 02 gian nay đã cũ không còn sử dụng, bờ tường bao xây sò có tổng giá trị 5.000.000 đồng. Một nhà cấp 4 hai gian, mái tôn, sân bê tông, tường bao, bể nước, cổng được xây dựng N 2014 có tổng giá trị 120.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTDS. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 611, 612, 623, 649 BLDS N 2015; Điều 179 Luật đất đai;

Chia di sản thừa kế của ông Lê Đình Ng để lại theo pháp luật có 6 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là bà Trần Thị H, chị Lê Thị T, chị Lê Thị L, chị Lê Thị L, chị Lê Thị S, chị Lê Thị N. Kỳ phần mỗi người được quyền sử dụng  $111,85\text{m}^2 / 6 = 18,64\text{m}^2$  đất và giá trị hiện vật  $2.500.000\text{đồng} / 6 = 416.600$  đồng. Chị Lê Thị T, chị Lê Thị L, chị Lê Thị N, chị Lê Thị S đề nghị được giao kỳ phần thừa kế là quyền sử dụng đất và hiện vật cho bà Trần Thị H sử dụng và sở hữu. Chị Lê Thị L có nguyện vọng được nhận kỳ phần thừa kế bằng hiện vật và đất. Xét diện tích đất chị L được hưởng di sản thừa kế là quá nhỏ không đủ điều kiện để cấp giấy CNQSDĐ theo quy định của UBND tỉnh Nghệ An đối với khu vực đất ở nông thôn, đối với hiện vật là ngôi nhà và các công trình khác không thể tháo dỡ, mặt khác chị L đã có nhà ở ổn định ở nơi khác, thửa đất có di sản thừa kế của ông Ngại để lại là nơi ở duy nhất của bà H mà hiện nay bà đang ở. Do đó đề nghị giao cho bà Trần Thị H được quyền sử dụng và sở hữu toàn bộ diện tích thửa đất và tài sản trên đất. Bà H có nghĩa vụ giao cho chị Lê Thị L giá trị diện tích đất là 31.688.000 đồng và 416.600 đồng giá trị hiện vật là tài sản trên đất.

Đối với ngôi nhà cấp 4 và các công trình khác được xây dựng N 2014 do chị T bỏ tiền ra xây dựng cho bà H sử dụng nay không có yêu cầu gì nên miễn xét. Về đất sản xuất các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đã nộp chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản, không yêu cầu Tòa án xem xét các chi phí tố tụng.

Về án phí: Áp dụng khoản 1, Điều 12, điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị H. Chị Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của ông Lê Đình Ngại để lại là thửa đất số 192, tờ bản đồ số 4 (bản đồ 299), diện tích  $200\text{m}^2$ , nay là thửa đất số 287, tờ bản đồ số 17 bản đồ địa chính, diện tích  $223,7\text{m}^2$  tại xóm 9, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An, nên vụ án là tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện QL là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự N 2015.

Theo “Trích lục khai tử” số 167/TLKT-BS ngày 18 tháng 4 N 2019 do UBND xã QH cấp, do nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện, ông Lê Đình Ng chết N 2011, thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế vẫn còn theo quy định tại Điều 623 BLTTDS N 2015. Theo quy định tại Điều 649, 651 BLDS 2015 hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Đình Ng gồm bà Trần Thị H, chị Lê Thị T, chị Lê Thị L, chị Lê Thị L, chị Lê Thị S, chị Lê Thị N.

[2] *Về di sản thừa kế*:

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, lời khai của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cơ sở để xác định bà Trần Thị H và ông Lê Đình Ng tạo lập được khối tài sản chung là thửa đất số 192, tờ bản đồ số 4 (bản đồ 299), diện tích 200 m<sup>2</sup> tại xóm 9, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An được UBND huyện QL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 592848 ngày 16 tháng 6 N 1993 mang tên Lê Đình Ng, nay là thửa đất số 287, tờ bản đồ số 17 (bản đồ địa chính số), diện tích 223,7m<sup>2</sup>, diện tích đất tăng thêm 23,7 m<sup>2</sup> nằm trong khuôn viên thửa đất, ranh giới thửa đất đang sử dụng không thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có tranh chấp với các hộ liền kề, phù hợp với quy hoạch nên thực hiện việc chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất theo hiện trạng sử dụng đất theo quy định tại Điều 19 Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nghệ An ngày 03/4/2018 về ban hành quy định về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở và đất vườn, ao gắn liền với đất ở trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Theo quy định tại Điều 612 BLDS 2015, Điều 33, 66 Luật hôn nhân gia đình xác định di sản của ông Ngại để lại gồm  $\frac{1}{2}$  diện tích đất là 111,85m<sup>2</sup> trị giá 190.145.000đồng. Tài sản trên đất gồm ngôi nhà ngói ba gian diện tích 42m<sup>2</sup>, nhà bếp, công trình chăn nuôi 02 gian nay đã cũ không sử dụng, bờ tường bao xây sò có tổng giá trị 5.000.000 đồng/2 = 2.500.000 đồng. Phần còn lại thuộc quyền sử dụng và sở hữu của bà Trần Thị H.

[3] *Về hàng thừa kế:*

Ông Lê Đình Ngại chết N 2011 không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của pháp luật tại thời điểm mở thừa kế gồm có vợ là bà Trần Thị H và 05 người con là chị Lê Thị T, chị Lê Thị L, chị Lê Thị L, chị Lê Thị S, chị Lê Thị N.

[4] *Về phân chia di sản thừa kế:*

Di sản thừa kế là quyền sử dụng diện tích 111, 85m<sup>2</sup> và 2.500.000 đồng giá trị hiện vật được chia đều cho 06 đồng thừa kế, mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng 18,64m<sup>2</sup> và 416.600 đồng. Theo thỏa thuận chị Lê Thị T, chị Lê Thị L, chị Lê Thị S, chị Lê Thị N đều giao quyền hưởng di sản thừa kế của mình cho bà Trần Thị H mà không yêu cầu giao lại giá trị chênh lệch tài sản là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Đối chị Lê Thị L được hưởng thừa kế quyền sử dụng 18,64m<sup>2</sup> đất và 416.600 đồng giá trị hiện vật là tài sản trên đất, chị L có nguyện vọng được nhận đất tại thửa đất nói trên. Xét diện tích đất chị được hưởng quyền sử dụng đất là quá nhỏ không đảm bảo diện tích được tách thửa theo Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nghệ An ngày 03/4/2018 về hạn mức đất ở được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, cần giao cho bà Trần Thị H toàn bộ di sản thừa kế do ông Lê Đình Ng chết để lại. Bà H có nghĩa vụ giao lại cho chị Lê Thị L giá trị phần di sản mà chị L được hưởng thừa kế bằng tiền là phù hợp với quy định tại Điều 660 BLDS; Điều 179 Luật đất đai.

[5] Chị Lê Thị L khai nại khi còn sống ông Ngại có hứa bằng miệng là để lại thửa đất trên cho con trai đầu của chị, nhưng chị L không có tài liệu chứng cứ chứng minh

cho lời khai nại của mình là có căn cứ và hợp pháp nên HĐXX không có cơ sở để xem xét.

Trên thửa đất còn có ngôi nhà và các công trình khác do chị Lê Thị T bỏ tiền ra xây dựng cho bà H trị giá 120.000.000 đồng, nay chị T không có yêu cầu gì mà giao lại cho bà H được quyền sở hữu.

[6] *Về chi phí tố tụng*: Nguyên đơn bà Trần Thị H tự nguyện chịu các chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[7] *Về án phí*: Bà Trần Thị H có đơn xin miễn, giảm án phí do bà H là người cao tuổi (85 tuổi), căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, miễn toàn bộ án phí cho bà Trần Thị H.

Chị chị Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị phần di sản được hưởng.

Chị Lê Thị T, chị Lê Thị L, chị Lê Thị S, chị Lê Thị N không nhận di sản thừa kế nên không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 BLDS; Điều 147 BLTTDS;

Căn cứ Điều 179 Luật đất đai N 2013;

Căn cứ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H.

Bà Trần Thị H được quyền sử dụng 223,7m<sup>2</sup> đất (200m<sup>2</sup> đất ở và 23,7m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng N) tại thửa đất số 192, tờ bản đồ số 04 (bản đồ 299) đã được cấp giấy CNQSDĐ số A 592848 ngày 16 tháng 6 N 1993 mang tên Lê Đình Ng. Nay là thửa số 287 tờ bản đồ số 17 (bản đồ địa chính số) tại xóm 9, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An, có tứ cận như sau:

Phía Bắc giáp đất hộ bà Nguyễn Thị L dài 15,01m;

Phía Nam giáp đường xóm dài 16,57m;

Phía Đông giáp đường mương nước dài 14,95m;

Phía Tây giáp ngõ đi hộ bà Nguyễn Thị L dài 12,2m.

Bà H được sở hữu toàn bộ các tài sản trên đất gồm 01 nhà ngói ba gian 42 m<sup>2</sup> đã cũ, 01 nhà chăn nuôi, 01 nhà bếp, tường bao đã cũ tổng giá trị 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) (Trong đó ½ diện tích đất và ½ giá trị tài sản trên đất là phần di sản thừa kế bà được hưởng do ông Lê Đình Ngại chết để lại và phần di sản thừa kế các con được hưởng giao lại. ½ diện tích đất và ½ giá trị tài sản trên đất là phần tài sản trong khối tài sản chung vợ chồng. Một ngôi nhà cấp 4 hai gian diện tích 48 m<sup>2</sup>, mái che, sân phơi, 02 bể nước, tường bao đều được xây dựng N 2014 trị giá 120.000.000 đồng là tài sản do chị T xây dựng cho bà).

Bà Trần Thị H có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục về đăng ký quyền sử dụng đất, biến động đất đai theo quy định của pháp luật tại các cơ quan có thẩm quyền.

Bà Trần Thị H có nghĩa vụ giao lại giá trị di sản thừa kế quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho chị Lê Thị L số tiền là 32.104.600 đồng (Ba mươi hai triệu một trăm linh tư nghìn S trăm đồng).

2. Chị Lê Thị L được hưởng di sản thừa kế do ông Lê Đình Ng chết để lại giá trị bằng tiền là 32.104.600 đồng (Ba mươi hai triệu một trăm linh tư nghìn S trăm đồng) do bà Trần Thị H giao lại (trong đó 31.688.000 đồng là giá trị quyền sử dụng đất và 416.600 đồng giá trị tài sản trên đất).

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị H.

Chị Lê Thị L phải chịu 1.605.000 đồng (Một triệu S trăm linh N nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án có hiệu lực được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND H. QL;
- CCTHADS H. QL;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã QH;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP-TA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(đã ký)**

**Nguyễn Anh Sơn**